

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HS-PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 355/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T và bị cáo Nguyễn Anh T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982, tại tỉnh Hòa Bình; Nơi đăng ký thường trú: tỉnh Hòa Bình; Chỗ ở: Căn hộ Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: lớp 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Hồng C (đã chết) và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1954; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Sống chung như vợ chồng với Trần Thị H1, sinh năm 1990 và có 01 con chung, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 21 /10/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, xử phạt 06 tháng nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.(Theo bản án hình sự số

09/HSST ngày 21/10/2003 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình); Bị bắt giam ngày 10/7/2016. (có mặt).

2. Nguyễn Anh T1, sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: lớp 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị Xuân H2, sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 07 /5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 08 tháng 06 ngày tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo bản án hình sự số 58 /2014/HSST ngày 07/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bị bắt giam ngày 10/7/2016. (có mặt).

Bị cáo Nguyễn Anh T1 đã có kháng cáo, nhưng đã có đơn rút kháng cáo ngày 07/6/2018. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo không kháng cáo:

Bị cáo Hoàng Trúc L , sinh năm 1994, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: lớp 10/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Hoàng Kim N , sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Minh L1, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con;

Tiền án:

- Ngày 26/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”, theo bản án hình sự số 161/2011/HSST ngày 26/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 26/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 01 năm tù giam về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo bản án hình sự số 66/HSST/2014 ngày 26/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tiền sự: không; Bị bắt giam ngày 10/7/2016. (có mặt).

Bị cáo Hoàng Trúc L không có kháng cáo, nhưng có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án vẫn triệu tập bị cáo ra phiên Tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1989;

Địa chỉ: huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam công an tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn T3, sinh năm 1994;

Địa chỉ: huyện Thống Nhất, Đồng Nai. (vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Đinh Quốc T4, sinh năm 1994; Địa chỉ: thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1993; Địa chỉ: huyện Trảng Bom, Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Chị Trần Thị Kim L2, sinh năm 1968; Địa chỉ: huyện Trảng Bom, Đồng Nai. (vắng mặt)

4. Anh Trần Văn T5, sinh năm 1980; Địa chỉ: Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị Minh L1, sinh năm 1968; Địa chỉ: huyện Trảng Bom, Đồng Nai. (vắng mặt)

6. Anh Đoàn Thanh P , sinh năm 1985; Địa chỉ huyện Trảng Bom, Đồng Nai. (vắng mặt)

7. Anh Ngô Đức P2, sinh năm 1990; Địa chỉ: huyện Thống Nhất, Đồng Nai. (vắng mặt)

8. Chị Hoàng Thị Diệu N1, sinh năm 1998; Địa chỉ: huyện Trảng Bom, Đồng Nai. (vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Minh Đ , sinh năm 1991; Địa chỉ: thành phố Biên Hòa, Đồng Nai. (vắng mặt)

- Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Xuân Thành: Luật sư Đỗ Hải B , Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Trúc L , Nguyễn Anh T1 cùng Nguyễn Xuân T là bạn đồng thời là những người nghiện ma túy tổng hợp (ma túy đá) tên khoa học là Methamphetamine (theo Nghị định 82/2013/NĐ ngày 19/7/2013 của Chính phủ thuộc mục số 67 danh mục 2 là các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Để có tiền tiêu xài, ma túy sử dụng cho bản thân nên tối ngày 09/7/2016, Nguyễn Thị Thanh T2, ngụ tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nhờ Hoàng Trúc L mua 100 gam ma túy đá và L đã điện thoại hỏi mua 200gam ma túy đá của Nguyễn Xuân T thì T báo giá là 84.000.000đ (Tám mươi bốn triệu đồng) đồng thời, hẹn ngày hôm sau sẽ mang lên giao cho L , nhưng L nói sẽ cho người xuống lấy thì T đồng ý. Khoảng 1 giờ sáng ngày 10/7/2016, L nhờ bạn tên là Nguyễn T3, ngụ tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đi taxi xuống Thành phố Hồ Chí Minh để lấy đồ và không cho T3 biết là ma túy nên T3 đồng ý. T3 đi taxi đến bến xe Miền Đông thuộc quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thì gọi điện cho T và khoảng 15 phút thì T điều khiển xe ô tô đến đưa cho T3 một túi xách màu đen rồi bỏ đi, còn T3 cầm túi xách lên xe taxi đi về lại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Khi về đến khu vực Công viên 30/4 phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, T3 gọi điện cho L thông báo là đã về thì L nói với T3 đi đến nhà Nguyễn Thị Thanh T2, tại nhà không số thuộc huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Khi đến nhà Thùy, thấy Nguyễn Anh T1, T2 đang ngủ nên T3 mang túi xách bỏ vào phòng ngủ có T1 và T3 đang ngủ rồi T3 đi ra hành lang ngồi chờ L . Đến khoảng 4 giờ 30 phút ngày 10/7/2016, L đến nhà của Nguyễn Thị Thanh T2, mở túi xách lấy 100 g ma túy đá ra cân bán cho T2. Còn lại 100 gam ma túy đá, L mang theo người điều khiển xe mô tô để đi bán cho người tên C2 (không rõ họ, địa chỉ). Khi Lâm đang điều khiển xe mô tô nêu trên và mang theo ma túy đến tổ 20, khu xã An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (PC47) phát hiện bắt quả tang, đồng thời thu giữ 01 gói nilon hàn kín có kích thước khoảng 16 cm x 5cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động Iphone , 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số sim , 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh xám không có sim, 01 túi xách bằng da màu nâu, 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Hoàng Trúc L , 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Văn T, 01 xe mô tô hiệu Suzuki màu trắng đỏ biển số cùng 204.000.000 đ (hai trăm lẻ bốn triệu đồng).

Tại Kết luận giám định số 245/ KLGD ngày 15/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận “M1 (Ma túy bắt quả tang đối với L) có thành phần Methamphetamine, trọng lượng là 99,9772 gam”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Anh T tại nhà không số

thuộc huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và thu giữ 08 viên nén hình tròn, 01 gói nilon hàn kín hai đầu đựng trong một chiếc bóp màu đỏ giấu trong nhà vệ sinh, 01 bình nhựa cao khoảng 15 cm có gắn nỏ thủy tinh, 01 cân điện tử hiệu Mingheng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phạm Tiến T6 , 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Anh T1, 01 cân điện tử, 01 kéo dài khoảng 10cm, số tiền 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng); 02 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029105 mang tên Đỗ Anh P2 ; Thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T2 01 máy tính bảng hiệu Ipad, 01 laptop hiệu Toshiba, 01 hộ chiếu số mang tên Nguyễn Thị Thanh T2, 01 xe máy hiệu SH biển số , 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh T2, 02 điện thoại di động Iphone, 10.800.000 đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng), 01 xe máy hiệu ULTIMO.

Tại Kết luận giám định số 245/ KLGD ngày 15/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận “08 viên nén hình tròn màu nâu chứa trong mẫu M2 (ma túy thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Anh T1) có chứa thành phần MDMA, trọng lượng là 2,0810 gam; Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M3 (ma túy thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Anh T1) được niêm phong gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng là 4,7635 gam”.

Tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Xuân T tại phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ 02 gói nilon màu trắng hàn kín hai đầu kích thước khoảng 10 x15 cm bên trong có tinh thể màu trắng, 03 cân điện tử, 01 giấy nộp tiền ngày 07/7/2016 của Nguyễn Xuân T chuyển cho Hoàng Minh A số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân T , 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Xuân T , 01 giấy nộp tiền vào ngân hàng BIDV của Nguyễn Xuân T số tiền nộp 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), 01 điện thoại di động hiệu HTC màu đen , 01 điện thoại di động Samsung màu đen , 01 điện thoại di động Samsung màu đen không có sim, 02 thẻ ATM Sacombank mang tên Nguyễn Xuân T , 01 thẻ ATM Vietcombank tên Nguyễn Xuân T , 01 thẻ ATM Agribank tên Nguyễn Xuân T , số tiền 11.000.000 đ (Mười một triệu đồng), 01 xe ô tô hiệu Camry cùng 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Văn T1. T khai số ma túy trên mua của người tên T7 (không rõ họ, địa chỉ) để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 245/ KLGD ngày 15/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận “Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M4 (ma túy thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Xuân T) được niêm phong gửi đến giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 25,3633gam”.

Quá trình điều tra, khi bị bắt quả tang, Hoàng Trúc L khai nhận mua 200gam ma túy đá của Nguyễn Xuân T , sau đó bán 100gam ma túy đá cho

Nguyễn Thị Thanh T2 với giá 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), còn 100gam ma túy đá mang bán cho người tên C2 thì bị bắt quả tang. Nhưng sau đó trong quá trình điều tra, Hoàng Trúc L đã phản cung không thừa nhận mua ma túy của T và không bán ma túy cho T2. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ cơ sở xác định Hoàng Trúc L đã mua 99,9772 gam ma túy đá từ Nguyễn Xuân T vào sáng ngày 10/7/2016 và trên đường vận chuyển đi bán ma túy cho tên C2 thì bị bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Xuân T thì không thừa nhận bán ma túy cho Hoàng Trúc L. Đối với 25,3633gam ma túy đá thu giữ nơi ở của T ở thì T thừa nhận số ma túy trên của T mua người tên T7 (không rõ họ, địa chỉ) để sử dụng nhưng sau đó T phản cung cho rằng số ma túy trên của ai thì T không biết. Nhưng căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ cơ sở xác định T có hành vi bán 99,9772 gam ma túy đá cho Hoàng Trúc L vào sáng ngày 10/7/2016 và có hành vi tàng trữ 25,3633gam ma túy đá ngay chỗ ở của T tại phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với số ma túy thu giữ nơi ở của Nguyễn Anh T1, lời khai lúc đầu của bị cáo T1 khai nhận là T1 mua của Hoàng Trúc L để sử dụng và bán lại kiếm lời, nhưng sau đó T1 đã phản cung cho rằng T1 mua của một người tên H4 (không rõ họ, địa chỉ), trong đó ngày 30/4/2016 thì T1 bán một gói ma túy đá với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho Đinh Quốc T4, trú tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và 01 người không biết tên địa chỉ, ngày 08/7/2016 thì T1 bán một gói ma túy đá với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho Nguyễn Thị H3, trú tại huyện Trảng Bom. Do đó chỉ có cơ sở xác định T1 đã mua ma túy của người tên H4 (không rõ họ, địa chỉ) và bán lại cho Đinh Quốc T4, Nguyễn Thị H3 cùng một người không rõ họ tên địa chỉ.

Đối với Nguyễn Thị Thanh T2, trú tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, thì lúc đầu L khai bán cho T2 100g ma túy đá cho T2 nhưng sau đó L cũng thay đổi lời khai. Ngoài ra không còn chứng cứ khác nên không có căn cứ xác định T2 có mua 100g ma túy của Lâm.

Đối với người tên T7, tên C2, tên H4 (không rõ họ, địa chỉ) là những người mua bán ma túy nhưng chưa xác định được cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh điều tra xử lý sau.

Đối với Nguyễn T3 được L nhờ đi Thành phố Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Xuân T để lấy ma túy, T3 không biết là ma túy nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T3.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trao trả 01 máy tính bảng hiệu Ipad, 01 laptop hiệu Toshiba, 01 hộ chiếu mang

tên Nguyễn Thị Thanh T2, 01 xe máy hiệu SH cùng giấy đăng ký xe, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh T2, 02 điện thoại di động Iphone, 10.800.000 đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị Thanh T2 do không liên quan đến vụ án; trả 01 xe máy hiệu ULTIMO cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Kim L2; trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Diệu L3; trả 01 xe ô tô hiệu Camry cùng giấy đăng ký xe cho chủ sở hữu Nguyễn Văn T1 do các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô cùng giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Văn T để điều tra xử lý sau. Do biển số và giấy đăng ký xe mô tô trên là giả.

Tại Cáo trạng số 1079/CT-VKS-P1 ngày 14-9-2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo: Hoàng Trúc L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Xuân T về tội “Tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; Nguyễn Anh T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Trúc L , Nguyễn Anh T1 và Nguyễn Xuân T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194 BLHS 1999; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, Điều 53 BLHS 1999.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Xuân T 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2016.

Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 BLHS 1999; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, Điều 53 BLHS 1999; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Trúc L 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2016.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS 1999; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, Điều 53 BLHS 1999.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Anh T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2016.

Tiếp tục kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý đối với hành vi của Nguyễn Thị Thanh T2 và Nguyễn T3 theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 BLHS 1999; Điều 106 BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại đã được niêm phong sau giám định số 351/PC54-GĐMT ngày 20/10/2016 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai; 01 cân điện tử hiệu Mingheng; 01 cân điều tử hiệu Mind Seven, 01 cân điện tử hiệu Mini Digitalpocketscale và 01 cân điện tử hiệu WH-B13); 01 túi da màu nâu; 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm 03 bình và 03 nỏ thủy tinh); 01 kéo bằng kim loại dài 10cm.

- Trả lại cho Nguyễn Xuân T : 141.000.000 đ (một trăm bốn mươi một triệu đồng), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Xuân T , 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Xuân T , 01 giấy nộp tiền vào ngân hàng BIDV của Nguyễn Xuân T chuyển cho Hoàng Minh A ngày 16/6/2016, 01 giấy nộp tiền chi tên Nguyễn Xuân T chuyển cho Hoàng Minh Anh ngày 07/7/2016, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Xuân T , 02 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Nguyễn Xuân T , 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Xuân T .

- Trả cho Hoàng Trúc L số tiền 44.000.000 đ (bốn mươi bốn triệu đồng) ; trả lại cho Nguyễn Anh T1 số tiền 8.100.000 đ (tám triệu một trăm nghìn đồng), 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Anh T1 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phạm Tiến T6 .

- Trả lại cho Nguyễn T3 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1586.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Iphone A1549 của Hoàng Trúc L , chiếc điện thoại di động hiệu Samsung của Nguyễn Xuân T ; 01 chiếc điện thoại hiệu Nokia 1134, 02 chiếc điện thoại Nokia 6300 và 1202 (không có nắp sau) của Nguyễn Anh T1; 01 chiếc điện thoại di động hiệu HTC và 01 điện thoại di động hiệu Samsung không có sim của Nguyễn Xuân T .

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.)

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2018 bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo kêu oan.

Ngày 22/5/2018, bị cáo Nguyễn Anh T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, bị cáo Nguyễn Anh T1 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại Thông báo số 42/2018/TB-TA ngày 17/8/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo về việc rút kháng cáo đối với bị cáo Nguyễn Anh T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Xuân T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Các thủ tục tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo kêu oan, nhưng bị cáo thay đổi lời khai so với ban đầu. Cơ quan điều tra đã khám xét chung cư, từ việc kiểm tra bắt quả tang, đã thu giữ lượng ma túy nêu trên, có đủ cơ sở kết luận T mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Cấp sơ thẩm truy tố bị cáo với tội danh trên là đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T phát biểu:

Đối với tội danh này, tang vật rất quan trọng để phán xét. Số ma túy cơ quan Công an thu giữ tại căn hộ tại Quận 12 trong phòng của chị H5. Trong khi đó chị H5 đang sử dụng và hiện diện căn phòng này trước và trong khi Công an khám xét, phát hiện, thu giữ ma túy. Lời khai của H5 là lời khai 1 chiều. Do đó không đủ căn cứ xác định số ma túy này là của T. L đã thay đổi lời khai, nhưng việc chứng minh lời khai là của cơ quan điều tra. Sau đó, các bị cáo khác đều phủ nhận việc mua ma túy của bị cáo T. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo T, đình chỉ giải quyết vụ án.

Bị cáo Nguyễn Xuân T bào chữa:

Bị cáo bị oan. Bị cáo không bán ma túy cho bị cáo L. Số ma túy Công an thu giữ tại căn hộ tại Quận 12 không phải của bị cáo. Khi Công an dẫn bị cáo về căn hộ này lập biên bản thì số ma túy này đã được Công an để trên bàn ngoài nhà, bị cáo không biết số ma túy này cất ở đâu, xin Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư và bị cáo Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/7/2016, tại xã An Hòa, thành phố Biên Hòa, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đồng Nai (PC47) bắt quả tang Hoàng Trúc L mang theo 01 gói ma túy (theo lời khai ban đầu của L đã mua trước đó của Nguyễn Xuân T) trên đường đem bán cho một người tên C2 (không rõ nhân thân, lai lịch) thì bị bắt giữ. Qua giám định, gói ma túy thu giữ của L có thành phần Methamphetamine, trọng lượng là 99,9772 gam (Kết luận giám định số 245/ KLGD ngày 15/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai). Qua lời khai ban đầu của Hoàng Trúc L , tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Anh T1 và Nguyễn Thị Thanh T tại huyện Trảng Bom đã thu giữ 08 viên nén hình tròn màu nâu, có chứa thành phần MDMA, trọng lượng là 2,0810 gam và 01 gói nilon hàn kín, có chứa thành phần Methamphetamine, trọng lượng là 4,7635 gam (Kết luận giám định số 245/KLGD ngày 15/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai). Quá trình lấy lời khai, Nguyễn Anh T1 khai số ma túy thu giữ tại nhà không số là của bị cáo mua của Hoàng Trúc L nhưng sau đó, T1 thay đổi lời khai là mua của một người tên H4 (không rõ nhân thân, lai lịch) đem về bán kiếm lời, trong đó bị cáo T1 đã bán ma túy 02 lần cho hai đối tượng là Đinh Quốc T4 (trú huyện Trảng Bom) và Nguyễn Thị H3(huyện Trảng Bom), trong quá trình điều tra bị cáo T1 cũng đã khai nhận đã bán ma túy cho nhiều con nghiện và cũng đã được bị cáo T1 thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm.

[2] Tiến hành khám xét tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra (PC 47) đã thu giữ 02 gói nilon hàn kín màu trắng. Qua giám định có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 25,2622 gam (Kết luận giám định số 245/ KLGD ngày 15/7/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai). Những lời khai ban đầu của Nguyễn Xuân T xác nhận số ma túy này là của T mua từ một người tên T7 (không rõ nhân thân, lai lịch) đem về sử dụng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T :

[3.1] Đối với số lượng 25,2622 gam ma túy:

Tuy ban đầu bị cáo Nguyễn Xuân T có lời khai số ma túy này thu giữ khi khám xét tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là của bị cáo, nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai không thừa nhận số ma túy này là của bị cáo. Trong khi đó theo hợp đồng cho thuê căn hộ thì người đứng tên thuê căn hộ B5 lại là chị Hoàng Thị Diệu H5. Căn hộ này có 02 phòng ngủ (phòng số 01 và phòng số 02), tuy không phân chia cụ thể, nhưng T ngủ một phòng còn chị H5 ngủ một phòng. Chị H5 trình bày T từ Hà Nội về chung cư vào chiều ngày 09/7/2016 ở tại căn hộ B5 được vài giờ thì lại đi, đến khoảng 23 giờ đêm ngày 09/7/2016 T mới về lại căn hộ cùng với người khác và ngủ đến sáng rồi mới rời căn hộ đi. Riêng chị H5 ngủ đến 13 giờ ngày 10/7/2016 mới dậy thì không thấy ai ở trong

căn hộ. Đến 18 giờ ngày 10/7/2016 Công an lập biên bản khám xét và thu giữ số ma túy này tại tủ đặt trong phòng số 02, khi khám xét chỉ có một mình chị H 5 ở trong căn hộ này, chị H5 có giữ chìa khoá cửa của phòng số 02 và chìa khoá tủ bên trong có 02 bịch ma túy bị thu giữ, phòng này cũng là phòng chị H5 ngủ. Như vậy, bị cáo T đã không có mặt tại căn hộ B5 từ sáng ngày 10/7/2016 đến thời điểm 18 giờ ngày 10/7/2016 (khi lập biên bản khám xét), đồng nghĩa với việc T không sử dụng quản lý tủ có chứa ma túy đặt tại phòng số 02 trong khoảng thời gian này. Khoảng thời gian T vắng mặt nêu trên, theo chị H5 khai chỉ do một mình chị H5 là người quản lý căn hộ, chị H5 cũng khai là người có sử dụng ma túy. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa làm rõ những tình tiết nêu trên và chưa tiến hành đối chất giữa T với H5 để làm rõ chị H5 có liên quan đến số ma túy bị thu giữ tại căn hộ B5 hay không? Như vậy, các chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở xác định số ma túy thu giữ là của T.

[3.2] Đối với số lượng số lượng ma túy 99,9772g:

Ban đầu bị cáo Hoàng Trúc L khai số ma túy này của bị cáo Nguyễn Xuân T bán cho bị cáo L vào ngày 10/7/2016. Tuy nhiên trong suốt quá trình điều tra bị cáo T không thừa nhận có bán số ma túy này cho L. Bị cáo L sau đó thay đổi lời khai là mua số ma túy này của người tên T 8 (không rõ họ tên). Nguyễn T3 là người được bị cáo L nhờ đi gặp T để nhận tiền và được T giao cho 01 cái giỏ thì cũng thừa nhận khi T giao chỉ có tiền và nước suối trong giỏ, chứ không thấy ma túy. Khi đem giỏ về thì T để giỏ tại đầu giường trong nhà T 2 và đi ra hành lang ngồi, khi L về tới nhà T2 thì hỏi giỏ đâu T3 chỉ vào trong nhà nơi để giỏ cho L lấy. Như vậy, chưa đủ căn cứ xác định khi T3 giao chiếc giỏ này cho L thì trong giỏ ngoài khoản tiền 130.000.000đ T cho L mượn thì còn có ma túy của T bán cho L. Mặt khác, tại phiên Tòa phúc thẩm, L khai khi nhận giỏ của T3 giao thì trong giỏ chỉ có tiền và nước suối, không có ma túy, còn số ma túy 99,9772g là do một người tên T 8 đã bán cho L, người này (T8) L đã quen từ trước. L còn khai cách ngày L bị bắt khoảng 02 tuần thì L có đến nhà nghỉ X tại thành phố Biên Hoà chơi với T 8 vào lúc 21 giờ, khi đó trong phòng nghỉ có T8 và bạn gái của T8. Theo lời khai của L thì đã xuất hiện tình tiết mới tại phiên Tòa liên quan đến T8. Do đó, cần phải xác minh tại Nhà nghỉ X để làm rõ lời khai mới của L tại phiên Tòa hôm nay.

[3.3] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T trong vụ án này cần phải được xem xét đánh giá toàn diện trong các mối quan hệ với các chứng cứ khác để xác định đúng bản chất vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Nguyễn Xuân T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy đối với 25,3633 gam ma túy thu giữ khi khám xét tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và 99,9772 gam ma túy (bán cho bị cáo Hoàng Trúc Lâm) là chưa đủ căn cứ vững chắc. Để

có đủ căn cứ kết luận tội danh của bị cáo Nguyễn Xuân T thì cần thiết phải điều tra lại, trên cơ sở đó mới có đường lối xử lý vụ án được đúng pháp luật . Do đó, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần nội dung quyết đị nh liên quan đến bị cáo T để điều tra, xét xử lại nhằm đảm bảo tính khách quan của vụ án.

[4] Ngoài ra, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án này cần điều tra làm rõ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Thanh T2 và Nguyễn T3. Bởi lẽ, ban đầu Nguyễn T3 và Hoàng Trúc L khai nhận L mua ma túy của T , L nhờ T3 đi lấy để bán cho T2. Tại Biên bản đối chất giữa bị cáo Hoàng Trúc L và Nguyễn Thị Thanh T2, bị cáo L xác nhận ngày 10/7/2016, bị cáo L đã bán ma túy cho T2 và Nguyễn Anh T1 tại nhà của T2 ngụ tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với giá 45.000.000 đồng. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2016 do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai lập, T2 khai *“Lý do tôi bị cơ quan Công an tỉnh Đồng Nai bắt giữ là do tôi có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với đối tượng Hoàng Trúc L (tên gọi khác là C3), nhà ở Trảng Bom, Đồng Nai. Việc Cơ quan Công an bắt tôi là đúng pháp luật, tôi không có ý kiến gì”*. Tại biên bản lời khai của Nguyễn T3, T3 cũng thừa nhận có chứng kiến việc L và T2 giao nhận ma túy và cùng ngồi đếm tiền, phân ma túy ra thành các gói nhỏ (Bút lục 300, 312, 313). Như vậy, hành vi của Nguyễn Thị Thanh T2 có dấu hiệu của tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Còn Nguyễn T3 là người biết L và T2 mua bán ma túy, nhưng vẫn không trình báo cơ quan Công an. Hành vi của Nguyễn T3 có dấu hiệu phạm tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 314 Bộ luật hình sự. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để đ ều tra làm rõ , nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm không truy tố hành vi này . Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị trong bản án . Xét thấy, việc kiến nghị của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ . Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai cần thiết phải điều tra lại đối với hành vi của Nguyễn Thị Thanh T2 và Nguyễn T3 nêu trên, để đảm bảo việc phát hiện xử lý tội phạm có hiệu quả, từ đó mới có tác dụng răn đe, tác động mạnh vào tâm lý tội phạm về ma túy và cũng là một trong những thước đo hiệu quả của việc phòng chống tội phạm nói chung hiện nay.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Anh T 1 đã rút kháng cáo . Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh T1 là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T1. Như vậy phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Anh T1 có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm : Bị cáo Nguyễn Anh T1 đã rút kháng cáo và bản án sơ thẩm bị huỷ một phần đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c và điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T , huỷ một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với các nội dung về bị cáo Nguyễn Xuân T .

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh T1. Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với phần nội dung quyết định liên quan đến bị cáo Nguyễn Anh T1 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Anh T1 và bị cáo Nguyễn Xuân T không phải chịu.

4. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để tiến hành điều tra lại vụ án đối với phần bản án bị huỷ theo thủ tục chung.

5. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Xuân T để đảm bảo thi hành án.

6. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THA DS tỉnh Đồng Nai (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- “Đề tổng đạt cho bị cáo” (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 14b. (TPQ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

